












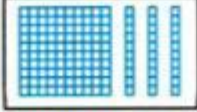
I. KIẾN THỨC CẦN NHỚ

- Thứ tự các số tròn chục từ 110 đến 200;
- Cách đọc và viết các số đó; so sánh giá trị các số tròn chục.

	Trăm	Chục	Đơn vị	Viết số	Đọc số
	1	1	0	110	một trăm mười
	1	2	0	120	một trăm hai mươi
	1	3	0	130	một trăm ba mươi
	1	4	0	140









120 < 130



120 < 130
130 > 120

II. CÁC DẠNG TOÁN


Dạng 1: Đọc và viết số tròn chục có ba chữ số.

- Đọc số theo thứ tự các hàng từ trái sang phải.

- Từ cách đọc số, em viết được số tròn chục có ba chữ số thỏa mãn.

Số tròn chục là số có hàng đơn vị là chữ số 0.

Ví dụ:

	Trăm	Chục	Đơn vị	Viết số	Đọc số
	1	1	0	110	một trăm mười

Dạng 2: So sánh các số tròn chục

+ Số có ít chữ số hơn thì có giá trị bé hơn.

+ Số có số chữ số bằng nhau thì so sánh các hàng từ trái sang phải.

Ví dụ: Điền dấu > ; < ; = vào chỗ chấm:

100...110

Giải:

Số 100 và số 110 đều là số có 3 chữ số; chữ số hàng trăm là 1; chữ số hàng chục có $0 < 1$.

Vậy $100 < 110$

Dấu cần điền vào chỗ chấm là “<”.

Dạng 3: Thứ tự các số tròn chục.

Ghi nhớ thứ tự các số tròn chục trong phạm vi từ 110 đến 200 là:

110;120;130;140;150;160;170;180;190;200.

Ví dụ: Điền số thích hợp vào chỗ chấm:

130;140;.....;160

Giải

Ta có: 130;140;150;160

Số cần điền vào chỗ chấm là 150.